

V/v thư ngỏ đề nghị báo giá dự toán đơn hàng
mua sắm vật tư thép, van và vật tư các loại

Lâm Đồng, ngày 19 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Các nhà cung cấp vật tư.

Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV (Gọi tắt là LDA) đang có nhu cầu mua sắm vật tư thép, van và vật tư các loại. Để có cơ sở lập dự toán đơn hàng phù hợp với giá cả thị trường và tình hình thực tế của LDA, kính mời các nhà cung cấp vật tư có đủ điều kiện và năng lực kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu tham gia báo giá. Cụ thể như sau:

I. Thông tin và yêu cầu về hàng hóa, vật tư:

1. Tên đơn hàng: Mua sắm vật tư thép, van và vật tư các loại.

2. Danh mục vật tư, hàng hóa, số lượng và quy cách:

- Tên/chủng loại hàng hóa/quy cách, đặc tính kỹ thuật: Các chủng loại hàng hóa, vật tư như danh mục nêu tại Cột 2 Phụ lục 1 kèm theo.

- Số lượng/khối lượng cung cấp: Khối lượng yêu cầu cung cấp đối với từng chủng loại vật tư nêu tại Cột 4 Phụ lục 1 kèm theo.

3. Yêu cầu về nhà sản xuất (hãng sản xuất), xuất xứ hàng hóa:

- Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Trong biểu giá chào giá nhà cung cấp phải điền rõ nhà sản xuất vào Cột 3; nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa ghi vào Cột 4 Phụ lục 2.

- Giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng/văn bản tương đương do nhà sản xuất cấp/cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa như quy định tại Cột 7-Phụ lục số 01 – “Chi tiết thông tin, yêu cầu về hàng hóa”.

5. Thời gian, tiến độ cung cấp:

- Thời gian cung cấp: năm 2026.

- Tiến độ cung cấp: 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

6. Địa điểm giao nhận: Kho của LDA tại nhà máy alumina, xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng (Nhà cung cấp tự xuống hàng và chuyển vào kho của LDA).

Nhà cung cấp tham khảo mẫu báo giá hàng hóa theo phụ lục số 02 của văn bản này.

II. Các yêu cầu và chỉ nhận nộp bảng báo giá:

1. Yêu cầu bảng báo giá:

- Nhà cung cấp tham gia báo giá dự toán chuẩn bị 01 bảng báo giá dự toán (báo giá bản giấy hoặc bản scan màu), điền đầy đủ các thông tin theo mẫu tại Biểu mẫu Phụ lục 2 kèm theo.

- Hiệu lực bảng báo giá tối thiểu 45 ngày kể từ ngày báo giá.

2. Chỉ dẫn nộp bảng báo giá:

- Địa chỉ nộp, tiếp nhận Bảng báo giá:

+) Tổ tư vấn lựa chọn NCC vật tư - Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV.

+) Địa chỉ: Đường Phan Đình Phùng, Tổ 15, xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng.
+) Điện thoại: 02633.961.682/ Fax: 02633.961.680. - Ngoài ra nhà cung cấp có thể gửi bảng báo giá (bản scan màu) đồng thời qua địa chỉ email: vattuktcn@gmail.com.
- Thời điểm hết hạn tiếp nhận bảng báo giá: 10h00 phút ngày 23 tháng 03 năm 2026.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (b/cáo);
- Trang Web LDA (Đăng tải);
- Trang Web TKV (Đăng tải);
- Tổ tư vấn LCNCC vật tư;
- Lưu: VT, PVT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Thái

Phụ lục 1:

CHI TIẾT THÔNG TIN, YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)
1.	Thép ống đúc DN150 SCH40, vật liệu A106	m	192	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	CO, CQ	
2.	Van cổng Z41H-16C DN150 PN16 WCB	cái	16	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	CO, CQ; BH 12 tháng	
3.	Van cổng Z41H-16P DN150 PN16, inox 304	cái	1	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	CO, CQ; BH 12 tháng	
4.	Van dao PZ73X-16C DN350 WCB	cái	6	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	CO, CQ; BH 12 tháng	
5.	Van chữ Y JS45Y-16C DN80 PN16 WCB	cái	6	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	CO, CQ; BH 12 tháng	
6.	Bích thép DN80 PN16, vật liệu SS400	cái	12	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
7.	Bích thép DN150 PN16, vật liệu SS400	cái	24	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
8.	Bích thép DN200 PN16, vật liệu SS400	cái	298	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
9.	Co thép 90 độ DN200 SCH40, vật liệu: A234	cái	18	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
10.	Ống nhựa HDPE phi180x16,4mm PN16	m	600	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
11.	Tê thép DN200 SCH40, vật liệu: A234	cái	18	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
12.	Thép ống đúc DN200 SCH30, vật liệu: A106	m	1.560	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	CO, CQ	
13.	Van cổng Z41H-16C DN200 PN16 WCB	cái	19	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	CO, CQ; BH 12 tháng	
14.	Mặt bích nhựa HDPE DN150 PN16	cái	6	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
15.	Côn giảm DN200 - 150 SCH40, vật liệu: A234	cái	6	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
16.	Bu lông M18x100 chịu lực 8.8	bộ	312	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
17.	Bu lông M16x100 chịu lực 8.8	bộ	144	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
18.	Dây thừng cước trắng phi 10	Kg	200	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
19.	Que hàn Kobelco LB-52 3.2mm	Kg	60	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
20.	Sơn sắt thép Moto Kiền (Sơn phủ màu nâu 3380)	Kg	954	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
21.	Bu lông + đai ốc + long đèn phẳng M12x60mm, mạ kẽm ren thô, ren suốt cường lực 8.8	Bộ	1320	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
22.	Bu lông + đai ốc + long đèn phẳng M18x80, ren thô, ren suốt, 8.8	Bộ	100	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
23.	Bu lông + đai ốc + long đèn phẳng M16x60, ren thô, ren suốt, 8.8	Bộ	350	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
24.	Bu lông + đai ốc + long đèn phẳng M30x150, ren thô, ren suốt, 8.8	Bộ	155	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
25.	Bu lông + đai ốc + long đèn phẳng M27x150mm, ren thô, ren suốt, 8.8	Bộ	20	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
26.	Bu lông + đai ốc + long đèn phẳng M39x210, ren thô, ren dài 110mm, 10.9	Bộ	170	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
27.	Bu lông + đai ốc + long đèn phẳng M20x100, ren thô, ren suốt, 8.8	Bộ	220	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
28.	Bu lông + 2 đai ốc + 2 long đèn vênh M24x250mm, ren thô, 2 đầu ren, ren dài 65mm, 8.8	Bộ	150	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
29.	Bu lông + đai ốc + long đèn phẳng M24x100, ren thô, ren suốt, cường lực 8.8	Bộ	160	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
30.	Bu lông + đai ốc + long đèn phẳng, long đèn vênh M12x30mm, ren thô, ren suốt cường lực 8.8	Bộ	600	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
31.	Bu lông + đai ốc + long đèn vênh M20x60mm, mạ kẽm, ren thô, ren suốt, cường lực 8.8	Bộ	888	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
32.	Cao su tấm 1500x1500x12mm, chịu kiềm, nhiệt độ <100oC	Tấm	18	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
33.	Cao su tấm 1200x6000x8mm, chịu kiềm nồng độ 255g/l, chịu nhiệt 100oC	Tấm	21	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
34.	Cao su tấm 1000x4000x5mm, chịu nhiệt > 80 độ, chịu kiềm Nk>150g/l	Tấm	31	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
35.	Đất sét làm kín tủ Neosealb 3	kg	30	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
36.	Dây kẽm phi 2mm	kg	360	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
37.	Dây kẽm phi 5mm	Kg	240	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
38.	Gioăng xếp chì 500x600x5mm	Cái	62	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
39.	Gioăng chì Graphite gia cố bằng kim loại OD3070xID2990x5 mm; 7 mảnh ghép lại.	Cái	2	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
40.	Bu lông + đai ốc + 2 long đèn phẳng M14x40mm, ren thô, ren suốt, chịu lực 10.9	Bộ	900	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
41.	Bu lông + đai ốc + 2 long đèn phẳng M20x120mm, ren thô, ren suốt, chịu lực 10.9	Bộ	600	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
42.	Keo làm kín cơ khí (Hi-temp RTV) 85g	Tuýp	400	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
43.	Bìa amiang 1270x1270x3mm	Tám	15	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư			
			Số lượng	Tiến độ cung cấp	Các yêu cầu khác	Ghi chú
44.	Bìa amiang 1270x1270x5mm	Tấm	130	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
45.	Bu lông + đai ốc + 2 long đèn phẳng M27x180mm, ren thô, ren suốt, chịu lực 10.9	Bộ	300	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
46.	Bu lông + đai ốc + 2 long đèn phẳng M30x180mm, ren thô, ren suốt, chịu lực 10.9	Bộ	300	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	
47.	Bu long M20x110mm ren suốt, chịu lực 8.8	Bộ	300	45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hoá	

Phụ lục 02

Tên nhà cung cấp:.....

Địa chỉ:.....

Số ĐT liên lạc/Email/fax

BIỂU BÁO GIÁ HÀNG HÓA

.....,ngàytháng.....năm

Căn cứ đề nghị của LDA tại thư ngỏ số/LDA-VT ngày .../.../năm 2026.
Công ty chúng tôi gửi đến quý Công ty báo giá hàng hóa như sau:

STT	Tên vật tư/hàng hóa Ký mã hiệu, nhãn mác, quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất(Hãng sản xuất)	Xuất xứ	Thời gian, tiến độ cung cấp	Các tài liệu, hồ sơ cam kết kèm theo (thời gian bảo hành)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Giá trị chào (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1									
2									
	Tổng cộng giá chào trước thuế:								
	Thuế GTGT:								
	Tổng cộng giá chào sau thuế:								
	<i>(Bằng chữ:)</i>								

- Hiệu lực của Báo giá.....ngày, kể từ ngày ký;
- Thời gian thanh toán:.....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]